

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13/3/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Linh;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Xuân Tính;
2. Ông Nguyễn Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1991;

- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1982

Người giám hộ cho anh Lê Văn H: Bà Trần Thị M, sinh năm 1954 (mẹ đẻ anh H).

Cùng địa chỉ: Phố N 1, phường L, thành phố T, tỉnh T.

Tại phiên tòa có mặt chị L, bà M, vắng mặt anh H (anh H có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (nay là phường L), thành phố T, tỉnh T vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nhà chồng tại phố N 1, phường L, thành phố T, tỉnh T. Quá trình chung sống với anh H được một thời gian thì chị L phát hiện ra anh H mắc bệnh tâm thần và đã điều trị tại bệnh viện tâm thần T. Khi không uống thuốc anh H gặp khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi còn khi uống thuốc anh H vẫn nhận thức được bình thường.

Do tinh thần không ổn định nên anh H thường đánh đập chị do đó giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Từ khoảng đầu năm 2020 cho đến nay chị L đã về nhà bố mẹ đẻ đẻ sinh sống, chị và anh H ly thân, không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị L và anh H có một con chung là cháu Lê Văn M, sinh ngày 01/11/2010. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M do anh H gặp khó khăn trong việc sinh hoạt và tự chăm sóc bản thân nên không thể chăm sóc thêm cháu M. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã triệu tập anh H và người giám hộ của anh H. Quá trình làm việc tại Tòa án, anh H tỉnh táo và nhận thức được về nội dung vụ án. Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết anh H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh H thống nhất với chị L về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị L có đơn xin ly hôn với anh, anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là cháu Lê Văn M, sinh ngày 01/11/2010. Hiện nay, cháu đang ở với anh và do mẹ đẻ của anh là bà Trần Thị M chăm sóc. Ly hôn, anh có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc cháu và yêu cầu chị L cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi có quyết định của Tòa án đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản, công nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bà M – người giám hộ hợp pháp của anh H thống nhất với phần trình bày của chị L, anh H về quá trình chung sống cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Từ thời điểm chị L về nhà mẹ đẻ năm 2020, bà M là người chăm sóc anh H và cháu M.

* Qua thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: Quá trình chung sống thời gian đầu, vợ chồng anh H và chị L hòa thuận nhưng đến những năm gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H bị mắc bệnh tâm thần. Khi bệnh còn nhẹ anh H vẫn đi làm, lao động được nhưng nay ngày càng trở nặng, hay nói linh tinh, có khi bỏ nhà đi lang thang. Nay chị L có đơn xin ly hôn đối với anh, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh H, chị L có một con chung là cháu Lê Văn M. Hiện nay cháu đang ở với bố và bà nội. Địa phương đề nghị Tòa án xem xét giao con cho người nuôi phù hợp vì anh H bị tâm thần và mẹ anh H (bà M) đã già yếu.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H. Tuy nhiên anh H có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành thủ

tục tổng đạt theo quy định nhưng tại phiên tòa hôm nay đã có đơn xin vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn. Chị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn và bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố T. Việc Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Lê Văn H, tuy nhiên anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để giải quyết vắng mặt anh H là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị L và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H mắc bệnh tâm thần nên hạn chế trong khả năng nhận thức và làm chủ hành vi dẫn đến giữa vợ chồng xảy ra va chạm. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Quá trình làm việc tại Tòa án, anh H thể hiện quan điểm đồng ý ly hôn với chị L. Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh H, do tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh H đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng khó hàn gắn nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn anh H là phù hợp pháp luật.

Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung là cháu Lê Văn M, sinh ngày 01/11/2010. Hiện nay cháu đang ở với bố và bà nội là bà Trần Thị M. Chị L và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Tuy nhiên, anh H hiện đang mắc bệnh tâm thần, sức khỏe yếu, hạn chế về khả năng lao động và tự chăm sóc bản thân. Bà M đã già yếu nhưng phải chăm sóc cho cả anh H và cháu M. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp cho cháu. Do hiện tại anh H không có công việc ổn định nên không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Lê Văn H.

Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung là cháu là cháu Lê Văn M, sinh ngày 01/11/2010. Ly hôn, giao cháu M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002396 ngày 21/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T (Chị L đã nộp đủ án phí).

Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- UBND P.L, TP. T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Linh